

Bản án số: 277/2026/DS-ST
Ngày: 29-6-2026
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Cần.

Ông Phan Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2026/TLST-DS ngày 10/3/2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2026/QĐXXST-DS ngày 20/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1981/2026/QĐST-DS ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: đường N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản.

Người được ủy quyền lại:

1. Bà Trần Thị Quỳnh N1 – chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng
2. Ông Trần Đức N2 – Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng.
3. Bà Lê Thị L1 – chức vụ: Chuyên viên tố tụng.

4. Ông Đàng Thanh V – Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng.

Cùng địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP Đ, đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2025.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Chánh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố 6, phường L, thành phố Đồng Nai (phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cũ).

(bà N1 có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Quỳnh N1 trình bày:

Ngày 27/10/2016, ông Nguyễn Chánh H và Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard số 161027350862/TTD/PVB. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông H với lãi suất 24%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện chi tiêu và thanh toán thẻ tín dụng số tiền 51.548.947đ (trong đó nợ gốc 45.282.989đ, lãi quá hạn là 4.985.958đ, phí là 1.280.000đ). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 15/9/2020 đến nay, ông H không thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông H thanh toán số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 53.699.729đ (trong đó nợ gốc là 12.701.800đ, lãi quá hạn 38.857.929đ, phí là 2.140.000đ).

2. Buộc ông H trả cho ngân hàng các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard số 161027350862/TTD/PVB ngày 27/10/2016 kể từ ngày 30/6/2026 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với khoản vay trên.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, buộc bị đơn ông Nguyễn Chánh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 53.699.729đ (trong đó nợ gốc là 12.701.800đ, lãi quá hạn 38.857.929đ, phí là 2.140.000đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 30/6/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chánh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP Đ là nguyên đơn, ông Nguyễn Chánh H là bị đơn. Căn cứ khoản 7, 38 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường L, thành phố Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Chánh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Chánh H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là 53.699.729đ (trong đó nợ gốc là 12.701.800đ, lãi quá hạn 38.857.929đ, phí là 2.140.000đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 30/6/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Căn cứ đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Pcombank Mastercard ngày 27/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Chánh H, nhận thấy: Ngày 27/10/2016, ông Nguyễn Chánh H đề nghị Ngân hàng TMCP Đ cấp tín dụng hạn mức 30.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức sử dụng là 30.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch.

Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ, ông H thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông H và được Công an phường L cung cấp thông tin: ông Nguyễn Chánh H, sinh năm 1984, có đăng ký thường trú tại địa chỉ khu phố 6, phường L, thành phố Đồng Nai. Ông H không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ năm 2021, hiện đi đâu, làm gì không rõ. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ không còn địa chỉ nào khác của ông H để cung cấp cho Tòa án. Nhận thấy, Ngân hàng TMCP Đ đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Chánh H theo địa chỉ được ghi trong đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Pvcombank Mastercard ngày 27/10/2016. Năm 2021, ông H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã nhiều lần niêm yết triệu tập ông H đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như ông H đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 20.1 Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại PVcomBank của Ngân hàng TMCP Đ quy định: *Sau 01 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn và chủ thẻ bị xem là vi phạm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký với PVcomBank. Việc chuyển nợ quá hạn, thu hồi và xử lý nợ thực hiện theo các quy định về thu hồi và xử lý nợ của PVcomBank trong từng thời kỳ.*

Xét thấy, Ngân hàng đã yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ buộc bị đơn ông Nguyễn Chánh H phải thanh toán nợ gốc là số tiền ông H thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng số tiền 12.701.800đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Tại điều 13, 14 Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại PVcomBank của Ngân hàng TMCP Đ quy định: *Lãi suất cho vay đối với việc sử dụng thẻ tín dụng do PVcomBank ban hành và được thay đổi*

theo từng thời kỳ, được công bố trên website chính thức của PVcomBank. Công thức tính lãi thẻ = số tiền giao dịch x số ngày tính lãi x lãi suất/360. Các giao dịch sử dụng thẻ sẽ bị tính lãi: giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và các giao dịch khác phát sinh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ, các loại phí phát sinh khi sử dụng thẻ.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.* Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (có hiệu lực thời điểm ký hợp đồng) quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.* Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Sau khi sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Chánh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông Nguyễn Chánh H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 53.699.729đ (trong đó nợ gốc là 12.701.800đ, lãi quá hạn 38.857.929đ, phí là 2.140.000đ) và tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 30/6/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Chánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.684.986đ (53.699.729đ x 5%). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 180, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Chánh H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Chánh H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là 53.699.729đ (năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 12.701.800đ, lãi quá hạn 38.857.929đ, phí là 2.140.000đ.

Kể từ ngày 30/6/2026, ông Nguyễn Chánh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank ngày 27/10/2016 và Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại PVcomBank của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chánh H phải chịu 2.684.986đ (hai triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 1.264.509đ (một triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm lẻ chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00003312 ngày 05/02/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng nai;
- THADS thành phố Đồng Nai
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thanh Thủy